

b) Thường về quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ: hàng năm khi cân đối kế hoạch xuất khẩu và nhập khẩu, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước dành một phần bằng 3% giá trị kế hoạch thu ngoại tệ về hàng xuất khẩu để Bộ Ngoại thương phân bổ mức thưởng về quyền được sử dụng kim ngạch ngoại tệ cho các Bộ, các Tổng cục, các địa phương.

c) Trường hợp cuối năm thường còn thừa tiền hoặc kim ngạch ngoại tệ được phân bổ không được sử dụng hết thì sẽ chuyển qua năm sau để sử dụng và sẽ trừ vào phần tính để lập quỹ tiền thưởng hoặc trừ vào phần ngoại tệ được dành ra để thưởng quyền phân bổ kim ngạch ngoại tệ cho năm sau. Nếu thiếu thì xin Chính phủ cấp thêm.

Điều 8. — Nguyên tắc phân bổ và sử dụng quỹ thưởng quy định như sau:

a) Đối với xí nghiệp quốc doanh trung ương và địa phương số tiền thưởng sẽ sử dụng theo chế độ 3 quỹ mà Nhà nước đã ban hành.

b) Đối với các hợp tác xã: số tiền được thưởng này được coi như của hợp tác xã và sẽ phân bổ như sau:

- 50% đưa vào quỹ tích lũy để mở rộng sản xuất;
- 30% đưa vào quỹ phúc lợi tập thể;
- 20% thưởng cho cá nhân có nhiều thành tích trong sản xuất.

c) Đối với các Bộ, các Tổng cục, các địa phương được thưởng quyền được phân bổ kim ngạch ngoại tệ, khi muốn sử dụng số ngoại tệ này để nhập hàng thì phải có đơn hàng gửi cho Ủy ban Kế hoạch Nhà nước xem xét cân đối và chuyển cho Bộ Ngoại thương nhập. Khi thanh toán số hàng nhập này, các Bộ, các Tổng cục, các địa phương phải có tiền Việt-nam để trả cho Ngân hàng.

Điều 9. — Ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương căn cứ vào điều 2, 5, 6 nói trên xét và quyết định mức thưởng và tỷ lệ thưởng cho cơ sở cung cấp nguyên liệu và sản xuất hàng hóa xuất khẩu theo từng loại mặt hàng sau khi đã thỏa thuận với ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, cách tiến hành thưởng quy định như sau:

a) Đối với tiền Việt-nam thưởng cho cơ sở sản xuất: cơ quan ngoại thương cấp phát trực tiếp cho cơ sở sản xuất sau khi hoàn thành hợp đồng.

b) Đối với thưởng quyền được phân phối kim ngạch ngoại tệ: Bộ Ngoại thương sẽ công bố kim ngạch ngoại tệ cho các Bộ, các Tổng cục, các Ủy ban hành chính địa phương để các cơ quan này dùng vào việc nhập khẩu những vật tư cần thiết cho sản xuất hàng xuất khẩu.

Điều 10. — Các xí nghiệp quốc doanh không hoàn thành kế hoạch giao nộp hàng hóa cho xuất khẩu thì bị giảm mức thưởng hoàn thành kế hoạch chung và phải giao vào kế hoạch năm sau, nếu không có lý do chính đáng.

Các Bộ, các Tổng cục, các Ủy ban hành chính địa phương không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch xuất khẩu, nếu không có lý do chính đáng, thì phải giao bù vào kế hoạch năm sau.

Điều 11. — Căn cứ vào những nguyên tắc trên đây, ông Bộ trưởng Bộ Ngoại thương, ông Bộ trưởng Bộ Tài chính, ông Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt-nam quy định chi tiết thi hành quyết định này.

Điều 12. — Quyết định thưởng này chỉ mới áp dụng cho các đơn vị cơ sở, các ngành trung ương, các địa phương sản xuất hàng xuất khẩu, có hoạt động nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu, mở rộng quan hệ ngoại thương. Còn đối với các đơn vị khác có hoạt động về ngoại tệ trong khi thực hiện chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước thì Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước dự thảo sớm chế độ thưởng ngoại tệ để trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ duyệt và ban hành.

Hà-nội, ngày 1 tháng 7 năm 1974

T. M. Hội đồng Chính phủ

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

NGHỊ ĐỊNH số 163-CP ngày 4-7-1974
sửa đổi một số điểm về chế độ thời
việc vì mất sức lao động và chế độ
hưu trí đối với công nhân, viên
chức Nhà nước.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Xét yêu cầu đầy mạnh phong trào lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội trong tình hình mới;

Đề sửa đổi kịp thời một số điểm không còn thích hợp về chế độ thời việc vì mất sức lao động và chế độ hưu trí;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, trong phiên họp Thường vụ của Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 2 năm 1974,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay sửa đổi các điều 35, 39, 40 của Điều lệ tạm thời về các chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân, viên chức Nhà nước ban hành theo nghị định của Hội đồng Chính phủ số 218-CP ngày 27-11-1961 :

1. Sửa đổi đoạn đầu của điều 35 quy định điều kiện hưởng chế độ thôi việc vì mất sức lao động như sau :

Công nhân viên chức Nhà nước thuộc các loại sau đây được thôi việc và hưởng chế độ trợ cấp mất sức lao động hàng tháng :

a) Những người mất từ 70% sức lao động trở lên, vì ốm đau, vì tai nạn không thuộc diện hưởng chế độ trợ cấp vì tai nạn lao động, đã công tác liên tục từ 10 năm trở lên ;

b) Những người mất từ 60% sức lao động trở lên, đã công tác liên tục từ 8 năm trở lên trong những nghề được coi là nặng nhọc có hại sức khỏe hoặc ở vùng khí hậu xấu, hay đã công tác liên tục từ 6 năm trở lên trong những nghề được coi là đặc biệt nặng nhọc, có hại sức khỏe ;

c) Những người già yếu, không đủ điều kiện hưởng chế độ trợ cấp hưu trí nhưng đã có đủ thời gian công tác liên tục (10 năm hoặc 8 năm hay 6 năm) theo quy định cho từng loại lao động nói ở trên.

2. Sửa đổi điều 39 như sau :

Tính từ ngày thôi việc, cứ mỗi năm một lần công nhân, viên chức Nhà nước đang hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng được Hội đồng giám định y khoa nơi cư trú khám lại :

— Nếu được xác định là sức khỏe đã hồi phục thì sẽ được tuyển dụng lại làm việc ở các cơ quan xí nghiệp Nhà nước như quy định trong thông tư của Hội đồng Chính phủ số 15-CP ngày 24-1-1969 về chính sách đối với công nhân, viên chức thôi việc vì mất sức lao động khi sức khỏe đã hồi phục. Trường hợp không đủ điều kiện để được tuyển dụng lại, thì cho thôi việc và hưởng trợ cấp thôi việc theo thông tư của Thủ tướng Chính phủ số 88-TTg ngày 1-10-1964 quy định về chế độ trợ cấp thôi việc.

— Nếu sau ba lần khám lại, mà sức khỏe chưa hồi phục thì được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng một thời gian nữa, nhưng thời hạn được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, tính từ ngày thôi việc, nhiều nhất không quá một nửa thời gian công tác liên tục của mỗi người. Riêng những công nhân, viên chức làm nghề được coi là đặc biệt nặng nhọc có hại sức khỏe mà thời gian công tác liên tục chỉ mới đủ 6 năm hoặc chưa đủ 8 năm cũng được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng trong thời hạn bốn năm.

Hết thời hạn được hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, những công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc, nếu có khó khăn thực sự về đời sống sẽ được xét trợ cấp cứu tế đột xuất hay thường xuyên.

— Đối với những công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc, đã có thời gian công tác liên tục đủ 25 năm, hoặc là thương binh, hoặc đã được xếp hạng thương tật vì tai nạn lao động, sau ba lần khám lại, mà sức khỏe chưa hồi phục, thì được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

3. Sửa đổi điều 40 như sau :

Công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc, chưa đủ thời gian công tác liên tục (10 năm hoặc 8 năm hay 6 năm như quy định trong điều 1) để hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng, thì được trợ cấp một lần, cứ mỗi năm công tác được trợ cấp bằng một tháng lương, nhưng thấp nhất cũng bằng hai tháng lương kể cả phụ cấp và trợ cấp con (nếu có).

Điều 2. — Những công nhân, viên chức Nhà nước mất sức lao động phải thôi việc trước ngày ban hành nghị định này, đến nay đang còn hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng và còn trong độ tuổi lao động đều được khám lại để giải quyết theo như quy định ở điểm 2 trong điều 1 nói trên. Riêng những công nhân, viên chức khi thôi việc đã già yếu và nay đã hết tuổi lao động hoặc đã được xác định là tàn phế thì không phải khám lại sức khỏe và được tiếp tục hưởng trợ cấp mất sức lao động hàng tháng.

Điều 3. — Công nhân, viên chức Nhà nước đang bị án phạt giam không được hưởng trợ cấp mất sức lao động hay trợ cấp hưu trí. Sau khi hết hạn phạt giam sẽ tùy theo từng trường hợp mà được xét cho hoặc không cho tiếp tục hưởng trợ cấp.

Điều 4 — Nay sửa đổi điểm 1 trong thông tư của Thủ tướng Chính phủ số 84-TTg ngày 20-8-1963 về việc áp dụng chế độ trợ cấp hưu trí và chế độ trợ cấp thôi việc vì mất sức lao động đối với công nhân, viên chức Nhà nước như sau :

Những công nhân, viên chức Nhà nước đã tham gia trong một đoàn thể cách mạng từ trước Cách mạng tháng tám năm 1945 hoặc đã hoạt động trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và được tặng thưởng huân chương hay huy chương, nam 52 tuổi, nữ 47 tuổi có đủ 25 năm công tác liên tục, mà ốm đau, không còn khả năng lao động cũng được hưởng chế độ trợ cấp hưu trí.

Điều 5. — Các ông Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Lao động, Bộ Tài chính và các ông thủ trưởng các ngành có liên quan trong phạm vi chức năng của mình, có trách nhiệm quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 4 tháng 7 năm 1974

T. M. Hội đồng Chính phủ

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUYẾT ĐỊNH số 170-TTg ngày 1-7-1974
ban hành chế độ và danh mục chi tiêu báo cáo thống nhất thống kê kế toán định kỳ chính thức của các xí nghiệp xây lắp nhận thầu và các ban kiến thiết công trình xây dựng cơ bản.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 27-CP ngày 22-2-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định các nguyên tắc lập và ban hành các chế độ biểu mẫu và phương án điều tra thống kê;

Căn cứ nghị quyết số 02-CP ngày 2-1-1971 của Hội đồng Chính phủ về việc tổ chức lại hệ thống thông tin kinh tế (phần nói riêng về hệ thống thông tin thống kê kế toán);

Để đáp ứng yêu cầu của công tác kế hoạch hóa, công tác cải tiến quản lý xí nghiệp, công tác thông tin kinh tế, từng bước thống nhất công tác hạch toán thống kê kế toán trong xí nghiệp xây lắp;

Theo đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê và ông Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này chế độ và danh mục chi tiêu báo cáo thống nhất thống kê kế toán định kỳ chính thức của các xí nghiệp xây lắp nhận thầu và các ban kiến thiết công trình xây dựng cơ bản của trung ương và địa phương.

Chế độ báo cáo này sẽ áp dụng thống nhất cho các đơn vị nói trên kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1974.

Điều 2. — Các văn bản về chế độ báo cáo thống kê kế toán định kỳ chính thức của các xí nghiệp xây lắp nhận thầu và các ban kiến thiết công trình xây dựng cơ bản do các Bộ, Tổng cục, Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành trước đây đều không còn hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 1974.

Điều 3. — Ông Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê căn cứ quyết định này và tùy theo yêu cầu chỉ đạo và quản lý công tác xây dựng cơ bản của Chính phủ, của các Bộ, Tổng cục, của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trong từng thời kỳ mà sửa đổi hoặc bổ sung các biểu mẫu báo cáo cho thích hợp. Trước khi ban hành văn bản sửa đổi hoặc bổ sung, Tổng cục Thống kê trao đổi ý kiến với Văn phòng Phủ thủ tướng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và những vấn đề có liên quan.

Điều 4. — Giám đốc xí nghiệp xây lắp, kế toán trưởng và trưởng ban kiến thiết công trình xây dựng cơ bản là người chịu trách nhiệm trước Nhà nước thực hiện chế độ báo cáo này và phải chịu trách nhiệm về sự chính xác, kịp thời của số liệu báo cáo lên cơ quan quản lý cấp trên và cơ quan thống kê Nhà nước.

Nếu giám đốc xí nghiệp, trưởng ban kiến thiết, kế toán trưởng và cán bộ, nhân viên giúp việc không thi hành hoặc thi hành sai chế độ báo cáo đã quy định, sẽ bị thi hành kỷ luật hành chính.

Điều 5. — Các ông Bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban hành chính các khu tự trị, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ báo cáo này và những quy định do Tổng cục Thống kê ban hành.

Điều 6. — Các ông Chủ nhiệm Văn phòng Phủ thủ tướng, Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê, Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện quyết định này.

Hà-nội ngày 1 tháng 7 năm 1974

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ